

VẤN ĐỀ NGÔN NGỮ CỦA HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG (TRƯỜNG HỢP HỌC SINH NGƯỜI M'NÔNG, TỈNH ĐẮK NÔNG)

NGUYỄN CÔNG ĐỨC
NGUYỄN VĂN LẬP

Sự phát triển bền vững của một cộng đồng, một địa phương luôn gắn liền với trình độ dân trí, và do vậy phụ thuộc trước hết vào chất lượng của giáo dục phổ thông và đặc biệt là ở cấp tiểu học. Bài viết cho thấy giáo dục phổ thông đối với học sinh dân tộc ít người nói chung và dân tộc M'nông, một tộc người bản địa đông đảo ở Tây Nguyên, còn gặp nhiều khó khăn do các rào cản ngôn ngữ. Vượt qua các rào cản này trên cơ sở xây dựng và sử dụng các tài liệu dạy và học bằng tiếng M'nông một cách hiệu quả, cùng với tiếng Việt, là một yếu tố quan trọng để nâng cao tri thức của thanh thiếu niên tộc người M'nông và sự phát triển bền vững của cộng đồng này, vùng đất này.

1. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG ĐỐI VỚI DÂN TỘC THIỂU SỐ

Cho đến nay, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên nói chung và đối với các cộng đồng dân tộc thiểu số nói

riêng. Trong đó Chương trình 135 đã huy động những nguồn lực lớn đầu tư trực tiếp vào các địa bàn có dân tộc ít người sinh sống, và tạo ra nhiều tác động rõ rệt nhất.

Hiện nay Chương trình 135 đang được triển khai giai đoạn 3 nhằm phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo tại các xã, thôn, buôn làng đặc biệt khó khăn, và đã đem lại một số thành quả khích lệ đối với nhiều lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội. Dù được đánh giá là có tác động tích cực, vẫn còn nhiều vấn đề cấp thiết đặt ra, mà nếu

Nguyễn Công Đức. Phó giáo sư, tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Văn Lập. Trường Đại học Quy Nhơn.

không được giải quyết một cách căn cơ, toàn diện, thì chưa hẳn có thể bảo lưu được một số kết quả ban đầu này. Đó là còn chưa nói đến chương trình có đáp ứng được sự mong đợi của các cộng đồng dân tộc ít người ở Tây Nguyên hay không. Để đạt được sự phát triển bền vững trên các lĩnh vực, cần tập trung giải quyết một vấn đề có tính nền tảng, đó là vấn đề giáo dục. Đảng và Nhà nước đã xác định rõ *giáo dục là quốc sách hàng đầu*. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện chiến lược giáo dục nói chung, chiến lược giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số nói riêng, trong đó có vùng Tây Nguyên, còn bộc lộ không ít những bất cập.

Đắk Nông (được tái lập từ tháng 1/2004) là một tỉnh của Tây Nguyên, nơi cư trú của nhiều dân tộc ít người, nên là nơi phản ánh đầy đủ các vấn đề cơ bản mà vùng Tây Nguyên đang đặt ra, trong đó có vấn đề giáo dục tầng lớp thanh thiếu niên dân tộc ít người.

Theo *Niên giám thống kê tỉnh Đắk Nông* (2012), tính đến năm 2011, dân số toàn tỉnh là 516.300 người, với khoảng 40 dân tộc ít người đang sinh sống. Tuy vậy, là một tộc người bản địa từ lâu đời, người M'ông vẫn chiếm số lượng cao nhất với xấp xỉ 40.000 người. Vì vậy, các chính sách của các cấp chính quyền địa phương về giáo dục, văn hóa - xã hội đối với người M'ông sẽ có tác động đa hướng và cộng hưởng đối với các cộng đồng dân tộc ít người khác ở địa phương cả trên bình diện tâm lý - văn

hóa truyền thống và trên bình diện giáo dục - xã hội. Những kết quả đạt được từ sự phát triển giáo dục và dân trí của tộc người M'ông có thể gợi ý cho những điều chỉnh chính sách, kế hoạch phù hợp với tâm lý - văn hóa các cộng đồng dân tộc ít người khác của tỉnh (vì ở tỉnh có nhiều tộc người di chuyển từ vùng núi phía Bắc vào, nên có những khác biệt về tâm lý - văn hóa truyền thống).

2. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG ĐỐI VỚI HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ

Số liệu tổng kết năm học 2012 - 2013 của tỉnh cho thấy thực trạng giáo dục phổ thông các cấp cho học sinh các dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Nông là rất đáng báo động. Năm học 2012 - 2013, toàn tỉnh có 46.527 học sinh dân tộc thiểu số, chiếm 33,4% trong tổng số 140.085 học sinh toàn tỉnh. Học sinh dân tộc thiểu số có xu hướng giảm mạnh theo từng cấp học từ dưới lên trên. Cụ thể, ở bậc tiểu học, tỉ lệ học sinh dân tộc thiểu số chiếm 41,6% trong tổng số học sinh tiểu học toàn tỉnh, đến cấp trung học cơ sở tỷ lệ này là 30,2% và cấp trung học phổ thông chỉ còn 19,9% (Đài Phát thanh-Truyền hình Đắk Nông, 2013).

Cũng theo nguồn trên, số học sinh yếu kém tỉ lệ thuận với cấp học từ tiểu học đến trung học cơ sở rồi đến trung học phổ thông. Cụ thể như sau: cấp tiểu học, có 18% học sinh dân tộc thiểu số học kém; cấp trung học cơ sở, con số đó là 26%; đến cấp trung học phổ thông, tỉ lệ học sinh học kém là 38%. Những con số này rất đáng lo ngại và

đáng suy nghĩ, vì trung học phổ thông là cấp học có tầm quan trọng đặc biệt. Từ cấp học này, học sinh có thể đi vào các trường đại học hoặc cao đẳng hoặc trung học chuyên nghiệp, tức là đi vào “cỗ máy cái” của nền giáo dục quốc gia để được đào luyện, trở thành những con người có thể góp phần vào sự phát triển bền vững của từng vùng và của quốc gia. Rõ ràng, tỷ trọng giảm dần về số học sinh theo học và tỷ trọng tăng dần về số học sinh học kém của học sinh dân tộc thiểu số ở các cấp học phổ thông từ thấp đến cao sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến tiến trình phát triển nhiều mặt của địa phương. Đến 2010, toàn tỉnh Đắk Nông chỉ có 1.148 cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số, chiếm 7,98% trên tổng số cán bộ, công chức cả tỉnh (Lê Thủy, 2010), một con số quá thấp so với tỷ lệ dân số người dân tộc thiểu số trong tỉnh. Đó là một hệ lụy của thực trạng giáo dục mà chúng tôi đã đề cập trên đây.

Thực trạng giáo dục đó theo chúng tôi có nhiều nguyên do. Trong đó, một nguyên do có tầm quan trọng đặc biệt, đó là vấn đề ngôn ngữ/tiếng nói, cùng với đó là cách nhận thức, cách quan niệm và phương thức chuyển tải tri thức thông qua ngôn ngữ/tiếng nói dân tộc thiểu số trong nhà trường phổ thông các cấp. Kết quả nghiên cứu của Dự án giáo dục tiểu học cho học sinh dân tộc thiểu số ở Việt Nam, được tiến hành từ 2010 tại ba tỉnh thuộc vùng khó khăn ở Việt Nam, đã cho thấy: “Ở những vùng sâu, vùng xa của tỉnh Yên Bái, Điện Biên và Quảng

Trị ở Việt Nam, nhiều học sinh dân tộc thiểu số không thích đi học. Do không nói được tiếng Việt – ngôn ngữ chính thức dùng trong giảng dạy ở nhà trường – các em cảm thấy rất khó hiểu được bài. Thầy cô giáo phải thường xuyên đến từng nhà học sinh để vận động các em đến trường”. Vì vậy, cần có “những bài học song ngữ và các tài liệu học tập thiết kế riêng giúp trường học trở nên gần gũi và thú vị hơn cho học sinh” (Worldbank, 2013). Nhận định này không phải là điều mới mẻ. Từ thập niên 1980, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp quy về việc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số trong giáo dục phổ thông. Tuy nhiên, từ định hướng vĩ mô đó cho đến hiện thực vẫn còn một khoảng cách lớn.

3. VẤN ĐỀ SỬ DỤNG CHỮ VIẾT ĐỐI VỚI CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

Ngày 22/2/1980, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 53-CP “Về chủ trương đối với chữ viết của các dân tộc thiểu số” nhằm hướng dẫn, chỉ đạo chung đối với công tác liên quan đến tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số lúc ấy. Song, do hoàn cảnh kinh tế - xã hội - lịch sử lúc đó ở phía Nam, đặc biệt là vùng Tây Nguyên, chủ trương này đã không được thực hiện một cách hiệu quả. Chẳng hạn, năm 1982, theo tinh thần của Quyết định 53-CP của Hội đồng Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (bao gồm cả Đắk Nông hiện nay) đã yêu cầu Ủy ban Khoa học - Kỹ thuật tỉnh cùng với Sở Giáo dục lúc bấy giờ triển khai công việc

ngiên cứu, xây dựng/cải tiến chữ viết cho tộc người thiểu số M'ông; đồng thời, biên soạn một số công trình nghiên cứu về tiếng M'ông, tài liệu học tập tiếng M'ông và một số sách vở công cụ hỗ trợ kèm theo. Sau hơn 4 năm làm việc, các công trình liên quan đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh phối hợp với Trường Đại học Tổng hợp TPHCM và Chi nhánh Nhà xuất bản Giáo dục tại TPHCM nghiệm thu với các đánh giá tích cực. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu và ứng dụng ấy, đã không thể thử nghiệm và triển khai trên thực tế.

Sau gần hai thập niên, các chính sách về ngôn ngữ dân tộc thiểu số lại được thúc đẩy thêm một bước mới. Năm 1997, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 1/GD-ĐT *"Hướng dẫn việc dạy học tiếng nói và chữ viết dân tộc thiểu số"*. Đến năm 2004 tiếp tục ra Thông báo số 1760/VP *"Về việc biên soạn chương trình và sách giáo khoa dạy tiếng dân tộc"* (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2004). Tháng 11/2004 Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg *"Về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi"*.

Thực hiện Chỉ thị này của Thủ tướng Chính phủ, năm 2005, Bộ Nội vụ cùng với Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông, mà trực tiếp là Sở Nội vụ có sự phối hợp của Sở Giáo dục và Đào tạo cùng với một số cơ quan, đơn vị liên quan như Ban Dân tộc, Sở Khoa học và Công nghệ, đã đề nghị một số nhà chuyên môn của Khoa Văn học và

Ngôn ngữ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TPHCM và Hội Ngôn ngữ học TPHCM thực hiện một số công trình nghiên cứu về dạy và học tiếng M'ông cho cán bộ, công chức người Kinh, trong đó có đội ngũ công chức, giáo viên tiểu học, cũng như việc dạy và học tiếng Việt cho cán bộ, công chức người M'ông. Đồng thời, biên soạn một số tài liệu, sách vở có tính chất công cụ hỗ trợ mục tiêu của Đề tài. Sau gần 2 năm thực hiện, các công trình thuộc đề tài này được Bộ Nội vụ và Ủy ban Nhân dân tỉnh tổ chức nghiệm thu vào cuối năm 2006 (Nguyễn Công Đức, 2006). Tuy nhiên do những khó khăn trong quá trình triển khai đề tài, nhóm thực hiện đã phải trừu tượng hóa một số phương diện thực tế nên tác dụng thực tiễn của đề tài hãy còn hạn chế.

4. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH

Từ thực trạng giáo dục phổ thông các cấp cho học sinh dân tộc M'ông như trên, thiết nghĩ để trong một thời gian ngắn có thể đạt mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, khắc phục một cách căn bản hiện tượng bỏ học và sự giảm mạnh về số lượng học sinh theo học tại các cấp học này, cần triển khai sớm một số công việc có tính cấp thiết dưới đây.

1/ Nghiên cứu một cách toàn diện và chuyên sâu ngôn ngữ M'ông, không chỉ ở bình diện nội tại của ngôn ngữ, mà còn cả tiếng nói của dân tộc M'ông ở phương diện hoạt động của nó; tức trong mối quan hệ thực tế giữa

ngôn ngữ M'ông với xã hội, vị trí của nó trong sự giao tiếp xã hội chung hay riêng trong cộng đồng tộc người. Từ những kết quả nghiên cứu sẽ biên soạn thành các tài liệu dạy và học tiếng M'ông cho các đối tượng công chức, giáo viên, nhằm trong một thời gian ngắn, trước hết các giáo viên bậc tiểu học có thể sử dụng được tiếng M'ông trong giảng dạy.

2/ Đồng thời, cần nghiên cứu về tâm lý - văn hóa, về khung cảnh xã hội - văn hóa, môi trường và điều kiện sinh sống,... của tộc người thiểu số M'ông trên địa bàn thực tế để có cách nhìn tổng thể, góp phần thiết thực trong công việc biên soạn các tài liệu, công cụ dạy - học tiếng M'ông phù hợp hơn, hiệu quả hơn.

3/ Bên cạnh đó, cần thiết có các cứ liệu thu thập được từ việc nghiên cứu điền dã về học sinh người M'ông trên toàn tỉnh, trên các mặt xã hội học, ngôn ngữ học xã hội, xã hội học - nhân học,... để làm cơ sở cho việc định dạng và thiết kế chương trình dạy và học tiếng M'ông cho đội ngũ

giáo viên, mà trước hết là cho một số cán bộ, giáo viên trực tiếp quản lý và đào tạo học sinh người M'ông ở cấp tiểu học, tránh cách thức thực hiện theo lối đại trà, theo kiểu “cào bằng” như trước nay từng thực hiện, nhằm tiết kiệm nguồn lực xã hội và đạt được tính hiệu quả, thiết thực hơn.

Người M'ông là một tộc người bản địa lâu đời ở tỉnh Đắk Nông, một tỉnh có nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số. Vì vậy, thực hiện được việc giáo dục tiểu học một cách phù hợp và hiệu quả cho học sinh người M'ông bằng chính ngôn ngữ của họ sẽ có một tác động tích cực không chỉ đối với giáo dục phổ thông ở Đắk Nông, mà còn đối với cả vùng Tây Nguyên, nhằm thực hiện tốt *Luật Phổ cập giáo dục tiểu học* (16/8/1991) đã ban hành: “Giáo dục tiểu học được thực hiện bằng tiếng Việt. Các dân tộc thiểu số có quyền sử dụng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình cùng với tiếng Việt để thực hiện giáo dục tiểu học” (Điều 4). □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. 1997. Thông tư số 01/GD-ĐT, ngày 3/2/1997, Hướng dẫn *Về việc dạy học tiếng nói và chữ viết dân tộc thiểu số*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2004. Thông báo số 1760/VP, ngày 11/3/2004, Kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Văn Vọng *Về việc biên soạn chương trình và sách giáo khoa dạy tiếng dân tộc*.
3. Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông. 2012. *Niên giám thống kê tỉnh Đắk Nông*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
4. Đài Phát thanh-Truyền hình Đắk Nông. Website www.ptthdaknong.com.vn/. Ngày 15/3/2013.
5. Hội đồng Chính phủ. 1980. Quyết định số 53-CP, ngày 22/2/1980 *Về chủ trương đối với chữ viết của các dân tộc thiểu số*.

6. Lê Thủy. 2010. *Công tác dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Nông*. Tạp chí Mặt trận của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, số 83. <http://www.mattran.org.vn/Home/TapChi/so%2083/ncdp.htm#2>.
7. Nguyễn Công Đức. 2006. Đề tài: 1/ *Tiếng M'ông cho cán bộ, giáo viên "Tài liệu học tiếng M'ông (Preh)"* (đào tạo cán bộ, công chức tỉnh Đắk Nông), 2/ *Tiếng Việt cho học sinh M'ông*. Chủ trì: Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông
8. Thủ tướng Chính phủ. 2004. Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg, ngày 9/11/2004, *Về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi*.
9. Worldbank (Việt Nam). 2013. *Trẻ em dân tộc thiểu số thích đến trường nhờ những bài học gần gũi cuộc sống*. <http://www.worldbank.org/vi/news/feature/2013/09/04/vietnam-personalised-lessons-keep-children-from-ethnic-minorities-in-school>.